

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 01 năm 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Đèo Văn Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L T V, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Bị đơn: Anh T P Q, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị L T V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Q được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2012, đến ngày 12/4/2016 thì đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B – Phong Thổ - Lai Châu, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi chung sống với nhau anh chị sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh chị không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình, anh Q thường xuyên chơi bời cờ bạc, không chung thủy với chị V, trước khi chị V có con thì anh Q còn thường xuyên đánh đập chị V, anh Q còn cho rằng con của anh chị không phải con của anh. Chị V và anh Q đã ly thân nhau từ

năm 2018 cho đến nay. Đến nay chị V không còn tình cảm với anh Q nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Chị V và anh Q có 01 con chung, tên là T P T, sinh ngày ../2014, hiện tại cháu đang ở cùng anh Q và ông bà nội. Sau khi ly hôn chị V nhất trí cho anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị V không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Công an xã B, xác minh đối với trưởng bản A, xác minh đối với Ủy ban nhân dân xã và xác minh đối với bố đẻ của anh Q xác định: Vợ chồng chị V và anh Q được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn với nhau. Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, nhưng sau đó anh Q đi chấp hành án về tội “Hiếp dâm” thì vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn từ đó đến nay. Anh chị hiện tại đang sống ly thân nhau. Anh Q hiện nay đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, anh Q cũng không khai báo tạm vắng tại địa phương, anh Q vẫn liên lạc về với gia đình, thỉnh thoảng về thăm gia đình, nhưng không ai biết anh Q đang đi làm việc tại đâu, hàng tháng anh Q vẫn gửi tiền về cho con ăn học. Anh Q cũng đã biết việc chị V xin ly hôn, tuy nhiên anh Q không về để giải quyết và chị cho rằng chị V muốn làm gì thì làm, anh Q không có yêu cầu phản tố. Bố đẻ anh Q là ông T C M yêu cầu chị V bồi thường số mâm cơm để tổ chức đám cưới cho chị V và anh Q với số tiền là 100.000.000 đồng, tại biên bản xác minh ông M không ký vào biên bản.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu T P T. Nguyên vọng của cháu sau khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở cùng bố như hiện tại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, 271, 273 của Bộ

luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L T V, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị L T V được ly hôn với anh T P Q. Về con chung: Giao cháu T P T cho anh T P Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung do đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L T V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh T P Q. Tại thời điểm chị V gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì chị V không xác định nơi ở của anh Q ở đâu do anh Q cố tình giấu địa chỉ, không cho ai biết, chị V chỉ xác định được địa chỉ của anh Q là tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Do vậy đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị V và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị V và anh Q chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình, chồng chơi bời, vợ chồng nghi ngờ không chung thủy với nhau. Chị V và anh Q sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, giải quyết cho chị L T V được ly hôn với anh T P Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị V và anh Q có 01 con chung, tên là T P T, sinh ngày ../2014 hiện tại cháu T đang ở cùng anh Q và bố mẹ của anh Q và được chăm sóc giáo dục bình thường. Nguyên vọng của cháu T là muốn được ở cùng bố và ông bà nội như

hiện tại. Xét về điều kiện, hoàn cảnh, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Chị V và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với yêu cầu của gia đình anh Q yêu cầu chị V trả lại số tiền tổ chức đám cưới là 100.000.000 triệu đồng cho gia đình anh Q là không phù hợp với phong tục tập quán của dân tộc. Yêu cầu đòi tiền cưới của gia đình anh Q là phong tục lạc hậu về hôn nhân, gia đình cần vận động xóa bỏ theo quy định của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ. Do đó yêu cầu của gia đình anh Quý không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L T V được ly hôn với anh T P Q.

Về con chung: Giao cháu T P T, sinh ngày ../2014 cho anh T P Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Chị L T V và anh T P Q không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L T V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo

biên lai số 0000352 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ. Xác nhận chị L T V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá

Hội thẩm nhân dân Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa